

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 244/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 về việc “ Xin ly hôn”, giữa:

* Nguyên đơn: **Anh Trần Như B**, sinh năm 1982

HKTT: Đội 4, xã N, huyện B, tỉnh H.

Nơi cư trú: khu đô thị H, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội.

* Bị đơn: **Chị Bùi Thị Như Q**, sinh năm 1991

HKTT: Thôn C, xã M, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: khu đô thị H, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội.

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1.1 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Anh **Trần Như B**, sinh năm 1982.
- Chị **Bùi Thị Như Q**, sinh năm 1991.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

***Về hôn nhân:** Anh Trần Như B và chị Bùi Thị Như Q cùng thuận tình ly hôn.

***Về con chung:** Anh Trần Như B và chị Bùi Thị Như Q xác nhận có 01 con chung là cháu Trần Minh K (Giới tính nam), sinh ngày 17.01.2019, sức khỏe bình thường.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh chị: Giao chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung kể từ khi có Quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Minh K đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Việc cấp dưỡng nuôi con chung anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

***Về tài sản chung và nhà ở chung:** Anh chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

***Về công nợ chung:** Anh chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

***Về án phí:** Anh Trần Như B tự nguyện chịu cả số tiền 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0006624 ngày 29/5/2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội. Hoàn trả anh B số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận :

- Đương sự;
 - Viện kiểm sát nhân dân H.Thanh Trì;
 - Chi cục Thi hành án Dân sự H.Thanh Trì;
 - UBND xã N, huyện B, tỉnh Hà Nam.
- (Giấy chứng nhận kết hôn số 31/2018 ngày 17/6/2018);
- Lưu hồ sơ + Văn phòng.

Thẩm phán

Lê Huyền Thu